

Số: /SoNNMT-CCCNTS

Đồng Nai, ngày tháng 11 năm 2025

Vv triển khai hướng dẫn tạm thời biện pháp
phòng, chống bệnh Dịch tả gia súc nhỏ loài
nhai lại

Kính gửi:

- UBND các xã, phường;
- Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản.

Nhận được Văn bản số 3603/CNTY-DT ngày 21/11/2025 của Cục Chăn nuôi và Thú y về việc hướng dẫn tạm thời biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả gia súc nhỏ loài nhai lại (đính kèm);

Để kịp thời phát hiện và kiểm soát bệnh Dịch tả gia súc nhỏ loài nhai lại có hiệu quả trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai hướng dẫn tạm thời biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả gia súc nhỏ loài nhai lại với những nội dung chính như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ BỆNH DỊCH TẢ GIA SÚC NHỎ LOÀI NHAİ LẠI

1. Tác nhân gây bệnh và loài cảm nhiễm

- Bệnh Dịch tả gia súc nhỏ loài nhai lại (Peste des petits ruminants - PPR) là bệnh truyền nhiễm nguy hiểm xuyên biên giới do vi rút Peste des petits ruminants, thuộc chi Morbillivirus, họ Paramyxoviridae (họ hàng gần với vi rút sởi và Dịch tả trâu bò - Rinderpest). Vi rút có sáu protein cấu trúc chính: N, P, L, M, F và H, và hai protein không cấu trúc (C, V). Các chủng vi rút PPR được phân thành bốn dòng (I, II, III và IV) dựa trên trình tự một phần của gen N và F. Theo các báo cáo, các chủng PPR hiện nay tại châu Á đều thuộc dòng IV.

- Bệnh PPR gây bệnh cho gia súc loài nhai lại nhỏ nuôi nhốt và hoang dã. Loài vật mắc bệnh chủ yếu là dê và cừu, trong đó dê nhạy cảm hơn cừu. Bệnh PPR cũng có thể gây bệnh cho lạc đà. Trâu, bò có thể nhiễm vi rút, nhưng không có biểu hiện triệu chứng lâm sàng và không bài thải vi rút ra môi trường. Vi rút PPR không lây bệnh cho người (WOAH, 2022).

- Bệnh PPR là bệnh bắt buộc phải khai báo theo danh mục bệnh động vật trên cạn của Tổ chức Thú y thế giới (WOAH) và được Chương trình GF-TADs (Global Framework for the Progressive Control of Transboundary Animal Diseases) xếp loại là bệnh ưu tiên cần kiểm soát.

2. Đặc điểm dịch tễ

- Động vật khỏe mắc bệnh nguyên nhân do tiếp xúc trực tiếp hoặc gián tiếp với động vật bị bệnh. Vi rút thường xâm nhập qua đường hô hấp và tiêu hóa thông qua tiếp xúc, không khí, thức ăn, nước uống, dụng cụ chăn nuôi như máng ăn, xe

chở gia súc bệnh có chứa mầm bệnh. Phân, nước tiểu, sữa và các sản phẩm sảy thai của gia súc bệnh chứa lượng lớn vi rút.

- Tỷ lệ mắc và tỷ lệ chết tùy thuộc vào nhiều yếu tố như: độc lực của vi rút, loài động vật mắc cảm, tuổi, giống, tình trạng miễn dịch và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, tỷ lệ mắc có thể lên tới 90-100%, tỷ lệ chết từ 50-90%, trong trường hợp mắc bệnh cấp tính tỷ lệ chết lên tới 90% tổng đàn.

- Bệnh biến đổi theo mùa, các ổ dịch thường xảy ra nhiều hơn trong mùa mưa và lúc hanh khô. Hoạt động tập trung buôn bán động vật cũng làm tăng khả năng bùng phát dịch.

- Vi rút lây truyền chủ yếu qua giọt bắn, dịch mũi, miệng, do tiếp xúc trực tiếp với dịch tiết, phân, nước tiểu, và môi trường nhiễm vi rút.

- Vi rút có thể tồn tại trong thời gian dài trong mô lạnh hoặc đông lạnh, nhưng dễ bị bất hoạt trong điều kiện môi trường và các tác nhân vật lý, hóa học.

3. Triệu chứng lâm sàng và bệnh tích

3.1. Triệu chứng lâm sàng

- Thời gian ủ bệnh trung bình từ 4–5 ngày (dao động từ 3–14 ngày). Ở giai đoạn cấp tính, động vật sốt cao ($40-41^{\circ}\text{C}$) kéo dài 3–5 ngày, kèm ủ rũ, chán ăn, khô mũi. Sau đó xuất hiện chảy dịch mắt, mũi và niêm mạc miệng, ban đầu loang rồi trở nên mủ nhầy kèm chảy nhiều nước dãi. Các tổn thương ăn mòn niêm mạc miệng có thể hoại tử, ở thể nặng sẽ thấy lắng đọng fibrin ở lưỡi. Tiếp theo, con vật bị tiêu chảy, ho, khó thở, sụt cân, gầy yếu, hạ thân nhiệt nhanh và chết sau 5–10 ngày kể từ khi phát bệnh. Viêm phế quản phổi, đặc trưng bởi ho, có thể phát triển ở giai đoạn cuối của bệnh. Động vật mang thai có thể bị sảy thai. Tỷ lệ mắc bệnh và tử vong ở động vật non cao hơn ở động vật trưởng thành.

- Một số trường hợp nhẹ có thể hồi phục sau 10–15 ngày và miễn dịch suốt đời. Mức độ biểu hiện triệu chứng, tỷ lệ mắc và chết phụ thuộc vào độc lực chủng vi rút, điều kiện môi trường và tình trạng miễn dịch vật chủ.

3.2. Bệnh tích

- Bệnh tích đại thể: Xuất huyết, hoại tử niêm mạc đường tiêu hóa, có thể kéo dài từ niêm mạc miệng đến van hồi manh tràng. Ruột già thường bị ảnh hưởng nghiêm trọng hơn, với các tổn thương phát triển xung quanh van hồi manh tràng, tại chỗ nối manh tràng và trực tràng. Phần sau biểu hiện các vết tắc nghẽn dọc theo các nếp gấp của niêm mạc, tạo nên hình dạng sọc ngựa vằn đặc trưng (zebra stripes) ở niêm mạc ruột; tắc nghẽn thức ăn trong ruột, mảng payer bị hoại tử, hạch lympho sưng to; gan, lách xuất huyết và hoại tử; phổi bị phù, viêm phổi kẽ và xuất huyết

- Bệnh tích vi thể: Kiểm tra mô bệnh học thấy xuất hiện các tế bào khổng lồ đa nhân và các thể vùi trong tế bào chất, các tế bào khổng lồ này xuất hiện nhiều nhất trong các tế bào biểu mô phổi, biểu mô phế quản, phế nang và biểu mô đại tràng; tế bào gan bị thoái hóa, xuất hiện không bào và bạch cầu ái toan và các

tế bào lympho tại tĩnh mạch cửa; phổi bị xung huyết và xuất huyết điểm, viêm phổi kẽ, và xuất hiện nhiều các tế bào sợi ở phổi.

II. BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG

1. Tổ chức giám sát phát hiện dịch bệnh

1.1. Giám sát

- Tổ chức giám sát tại các vùng chăn nuôi dê, cừu tập trung, vùng giáp biên, cơ sở buôn bán, cơ sở giết mổ dê, cừu.

- Khi phát hiện dê, cừu có triệu chứng sốt, chảy dịch (mắt, mũi, miệng), tiêu chảy, loét miệng: lấy mẫu gửi phòng xét nghiệm có thẩm quyền.

1.2. Lấy mẫu và bảo quản mẫu

a/ Lấy mẫu:

- Mẫu dịch tiết: Đối với con vật sống nghi mắc bệnh có thể dùng tăm bông vô trùng thấm dịch tiết từ mắt, xoang mũi, các biểu mô bị tổn thương trong xoang miệng đặt vào ống chứa dung dịch PBS có bổ sung kháng sinh. Ghi đầy đủ thông tin của mẫu và ký hiệu mẫu trên thành ống.

- Mẫu máu chống đông: Dùng kim tiêm cỡ 22G vô trùng lấy khoảng 5 ml máu của động vật đang sốt nghi mắc bệnh cho vào ống nghiệm có chất chống đông, lắc nhẹ.

- Mẫu huyết thanh: Dùng xi lanh vô trùng với kim tiêm cỡ 22G vô trùng lấy khoảng 5 ml máu từ tĩnh mạch cổ động vật. Sau khi lấy, rút pittong lùi ra để tạo khoảng trống, ghi ký hiệu mẫu trên cả pit tông và thành ống nghiệm rồi đặt nằm nghiêng 45° trong hộp đựng mẫu, để đông máu trong 1 - 2 giờ ở nhiệt độ bình thường, tránh ánh nắng chiếu trực tiếp.

- Mẫu mô: Tiến hành lấy các mẫu mô trong quá trình mổ khám, lấy khoảng 5g đến 10g hạch lâm ba, hạch phổi, hạch màng treo ruột, lách, mô phổi và màng niêm mạc ruột tại phần hồi, manh tràng.

b/ Bảo quản mẫu: Mẫu bệnh phẩm phải bao gói, bảo quản trong thùng bảo ôn có nhiệt độ từ 2°C đến 8°C, vận chuyển đến phòng thí nghiệm trong vòng quá 24 giờ. Trong phòng thí nghiệm, nếu chưa xét nghiệm ngay, mẫu phải được giữ trong tủ âm 80°C.

1.3. Phương pháp chẩn đoán trong phòng thí nghiệm

- Xét nghiệm phát hiện vi rút: RT-PCR hoặc real-time RT-PCR (phát hiện gen N hoặc F, độ nhạy cao); Immunocapture ELISA (IC-ELISA); Test nhanh tại hiện trường (LFD).

- Xét nghiệm huyết thanh học: ELISA cạnh tranh (C-ELISA); Trung hòa vi rút (Virus Neutralisation Test (VNT)).

- Phân lập vi rút trên tế bào.

- Giải trình tự gen (đoạn gen N hoặc gen F hoặc giải toàn bộ gen).

Kết quả dương tính phải được đối chiếu với dữ liệu dịch tễ và lâm sàng để xác định ổ dịch.

2. Biện pháp xử lý ổ dịch

- Lấy mẫu gửi cơ quan xét nghiệm có thẩm quyền để xét nghiệm đối với đàn dê, cừu nghi ngờ mắc bệnh.

- Khi có kết quả khẳng định PPR:

- + Cách ly toàn bộ đàn nhiễm, tạm dừng vận chuyển dê, cừu trong vùng dịch và vùng đệm (bán kính ≥ 3 km tính từ ổ dịch).

- + Thực hiện công bố dịch và tổ chức chống dịch theo đúng quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thú y.

- + Tổ chức tiêu hủy toàn bộ động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh PPR, chết.

- + Tổ chức tiêm phòng khẩn cấp khi có dịch xảy ra đối với toàn bộ đàn dê, cừu khỏe mạnh thuộc diện tiêm phòng trong xã có dịch và các xã xung quanh xã có dịch.

- + Thực hiện việc tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc liên tục 01 lần/ngày trong vòng 1 tuần đầu tiên; 03 lần/tuần trong 2 tuần tiếp theo tại hộ có dịch và các khu nguy cơ cao trong xã có dịch.

- + Báo cáo Cục Chăn nuôi và Thú y kết quả triển khai các biện pháp phòng, chống dịch.

3. Phòng bệnh

3.1. Phòng bệnh bằng vắc xin

Tổ chức WOAH khuyến cáo vắc xin tiêm phòng như sau:

- Vắc xin sử dụng: vắc xin sống giảm độc lực chủng Nigeria/75/1 hoặc Sungri/96 (WOAH, 2022). Hiệu lực bảo hộ: ≥ 3 năm sau tiêm.

- Đối tượng tiêm: dê, cừu ≥ 3 tháng tuổi; không tiêm cho con đang sốt hoặc bệnh.

- Liều tiêm: 1 liều/động vật theo hướng dẫn nhà sản xuất, tiêm dưới da.

- Bảo quản: 2–8°C, tránh ánh sáng; dung môi pha vô trùng; sử dụng trong 2 giờ sau pha.

- Lịch tiêm phòng khuyến nghị: Đối với vùng có nguy cơ cao: tiêm toàn đàn hằng năm; Đối với vùng an toàn: tiêm phòng định kỳ 2–3 năm/lần.

3.2. Biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học

Thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, thực hành chăn nuôi tốt, cụ thể: Thực hiện nuôi cách ly dê, cừu 21 ngày trước khi nhập đàn; thường xuyên sát trùng chuồng trại, máng ăn, dụng cụ chăn nuôi; quản lý tốt chất thải, nguồn nước, hạn chế người và phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi; định kỳ tổ chức vệ sinh, khử

trùng, tiêu độc tại các khu vực chăn nuôi, các chợ, điểm buôn bán, giết mổ dê, cừu và các sản phẩm của dê cừu bằng vôi bột hoặc hóa chất sát trùng dùng trong thú y.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh

1.1. Khi chưa có dịch

- Rà soát, tổng hợp danh sách các cơ sở chăn nuôi, mua bán, giết mổ dê, cừu trên địa bàn quản lý, báo cáo gửi về Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản **trước ngày 01/12/2025** để tổng hợp.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, ngăn chặn dịch bệnh phát sinh, lây lan theo Quyết định số 05/QĐ-CNTY- KHCNMT ngày 18/3/2025 của Cục Chăn nuôi và Thú y (đính kèm); khi phát hiện dê mắc bệnh, nghi mắc bệnh kịp thời báo cáo chính quyền địa phương để phối hợp thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh theo quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở chăn nuôi dê, cừu các biện pháp truy xuất nguồn gốc, xử lý khi phát hiện các trường hợp dương tính theo quy định.

- Tổ chức thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về sự nguy hiểm của bệnh PPR và biện pháp phòng bệnh cho các cơ sở chăn nuôi, mua bán, giết mổ dê, cừu.

- Báo cáo tình hình dịch bệnh PPR định kỳ hoặc đột xuất; báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản) để tổng hợp.

- Yêu cầu các chủ cơ sở chăn nuôi, mua bán, giết mổ dê, cừu:

- + Cung cấp thông tin về chăn nuôi, mua bán, giết mổ dê cừu đến Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y địa phương.

- + Chủ động phối hợp với cơ quan chuyên môn chăn nuôi và thú y thực hiện công tác giám sát, lấy mẫu giám sát và các biện pháp phòng, chống, xử lý khi có mẫu dương tính với vi rút PPR.

- + Thực hiện nghiêm quy định về kiểm dịch, vệ sinh thú y, tiêm phòng bắt buộc.

- + Khai báo ngay khi phát hiện dê, cừu ốm, chết bất thường.

- + Lưu giữ danh sách, hồ sơ và các thông tin giám sát (bao gồm dữ liệu giám sát lâm sàng và kết quả lấy mẫu xét nghiệm) để phục vụ truy vết nguồn dịch.

1.2. Khi có dịch

Triển khai thực hiện các biện pháp xử lý ổ dịch theo mục 2 phần II Văn bản này.

2. Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản

- Phối hợp với Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng, phòng thử nghiệm thuộc Cục Chăn nuôi và Thú y trong việc tổ chức thực hiện triển khai giám sát và hướng dẫn thực hiện giám sát và lấy mẫu các ca bệnh nghi ngờ dê, cừu mắc bệnh PPR.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp, hỗ trợ địa phương thực hiện điều tra ổ dịch, truy tìm nguồn dịch đối với những ca bệnh xảy ra trên địa bàn; thông tin tuyên truyền về sự nguy hiểm của bệnh PPR và biện pháp phòng bệnh cho các cơ sở chăn nuôi, mua bán, giết mổ dê, cừu.

- Chủ trì, tham mưu xây dựng kế hoạch giám sát, tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc khử trùng vào các nội dung của kế hoạch phòng chống dịch bệnh năm 2026.

- Chủ động chuẩn bị cơ sở vắc xin và thông báo đến các điểm cung ứng để người chăn nuôi chủ động tiếp cận, tiêm phòng bệnh PPR cho đàn dê ngay khi vắc xin được cấp phép lưu hành tại Việt Nam.

- Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện của các địa phương theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, phường quan tâm chỉ đạo thực hiện các nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị có ý kiến phản hồi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, CNTS. (My)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thắng